

Số 239 /QĐ-BQLKKTQP

Phú Quốc, ngày 15 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Dự án Star Hill An Thới thuộc Khu du lịch sinh thái và sân golf Bãi Sao
tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang,
quy mô 35.220,4m².

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ PHÚ QUỐC

Căn cứ Luật Xây dựng, ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị, ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP, ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP, ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP, ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-TTg, ngày 11/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030; Quyết định số 868/QĐ-TTg, ngày 17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030; Quyết định số 486/QĐ-TTg, ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-TTg, ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD, ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch



đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD, ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 962/QĐ-UBND, ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc;

Căn cứ Quyết định số 3034/QĐ-UBND, ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ cho Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 870/QĐ-UBND, ngày 06/4/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu du lịch sinh thái và sân golf Bãi Sao, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 305,76ha, tỷ lệ 1/2000;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-BQLTPQ, ngày 06/6/2012 của Ban Quản lý Đầu tư phát triển đảo Phú Quốc về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu du lịch Bãi Sao thuộc khu du lịch sinh thái và sân golf Bãi Sao tại thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 143.618m²;

Căn cứ Thông báo số 137/TB-VP, ngày 01/02/2019 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang về việc điều chỉnh dự án Khu du lịch Bãi Sao tại lô số 2 thuộc Khu du lịch sinh thái và sân golf Bãi Sao, khu phố 4, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 125/QĐ-BQLKKTQ, ngày 08/6/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc;

Căn cứ Quyết định số 197/QĐ-BQLKKTQ, ngày 26/8/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Star Hill An Thới thuộc Khu du lịch sinh thái và sân golf Bãi Sao tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 35.220,4m²;

Theo đề nghị của Công ty TNHH Lê May tại Tờ trình số 09/ TTr-LM, ngày 08/9/2021 về việc thẩm định, phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Star Hill An Thới tại khu phố 4, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang - quy mô 35.220,40m²; Báo cáo thẩm định, trình phê duyệt số 63/BC-QLQH, ngày 12/10/2021 của phòng Quản lý Quy hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Star Hill An Thới thuộc Khu du lịch sinh thái và sân golf Bãi Sao tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 35.220,4m², với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về quy mô diện tích và ranh giới lập quy hoạch:

Tổng diện tích khu đất lập quy hoạch khoảng 35.220,4m² thuộc Khu du lịch sinh thái và sân golf Bãi Sao tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Phạm vi ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông Nam giáp : Đất quy hoạch du lịch sinh thái;
- Phía Đông Bắc giáp : Đất quy hoạch công trình công cộng;
- Phía Tây, Tây Bắc giáp : Đường quy hoạch.

2. Mục tiêu quy hoạch:

- Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Star Hill An Thới nhằm cụ thể hóa Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch sinh thái và sân golf Bãi Sao đã được phê duyệt.

- Xác định tính chất, chức năng và quy mô của từng ô đất trong khu vực nghiên cứu lập quy hoạch với các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp làm cơ sở cho việc lập các dự án đầu tư xây dựng.

- Đưa ra các hình thức kiến trúc các công trình đặc trưng của Việt Nam phù hợp với điều kiện khí hậu của đảo.

- Xây dựng các tiêu chí, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật quy hoạch-xây dựng làm cơ sở cho việc lập dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Chủ động trong kế hoạch sử dụng đất, phân kỳ đầu tư và khai thác.

- Đảm bảo việc đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội phù hợp với các khu vực xung quanh.

- Dự báo và đưa ra các giải pháp nhằm giảm thiểu và tránh tác động tiêu cực đến môi trường.

3. Tính chất, chức năng quy hoạch:

Khu quy hoạch được xác định là du lịch sinh thái cao cấp với các chức năng chính như: khách sạn, biệt thự nghỉ dưỡng, dịch vụ du lịch, cây xanh cảnh quan, mặt nước, hạ tầng kỹ thuật...

4. Quy mô phục vụ:

Dự kiến sau khi hoàn thành, quy mô phục vụ của khu quy hoạch khoảng 250 người.

- Số lượng khách lưu trú khoảng : 100 người/ ngày;
- Số lượng khách tham quan khoảng : 100 người;
- Số lượng nhân viên phục vụ khoảng : 50 người.

5. Cơ cấu sử dụng đất, chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

- Mật độ xây dựng gộp tối đa là 15% (không bao gồm diện tích chiếm đất của đất giao thông đối ngoại).

- Tầng cao xây dựng tối đa là 03 tầng.

- Hệ số sử dụng đất toàn khu tối đa là 0,43 lần (không bao gồm diện tích chiếm đất của đất giao thông đối ngoại).

5.2. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

5.2.1. Cấp nước:

- Du lịch : 250 - 300 lít/người/ngày;
- Nhân viên : 150 lít/người/ngày;
- Dịch vụ du lịch : 2,0 lít/m² sàn/ngày;
- Tưới cây : 3,0 lít/m²/ngày;
- Rửa đường : 0,5 lít/m²/ngày;
- Chữa cháy : 15,0 lít/s, số đám cháy xảy ra đồng thời là 02 trong thời gian 03 giờ.

5.2.2. Cấp điện:

- Dịch vụ du lịch : 20-30W/m² sàn/ngày;
- Du lịch : 3,5kW/giường/ngày;
- Chiếu sáng : 0,5 - 1W/m².

5.2.3. Thoát nước thải : tối thiểu 80% tổng lưu lượng nước cấp cần xử lý.

5.2.4. Rác thải

- Du lịch : 2,0kg/người/ngày.

5.3. Cơ cấu sử dụng đất:

Tổng diện tích khu đất lập quy hoạch là 35.220,4m², được cơ cấu sử dụng như sau:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất du lịch nghỉ dưỡng	25.627,82	72,80
1.1	Đất khách sạn nghỉ dưỡng 1	1.500,00	
1.2	Đất khách sạn nghỉ dưỡng 2	1.676,24	
1.3	Đất biệt thự nghỉ dưỡng	1.440,00	
1.4	Đất dịch vụ du lịch	250,00	
1.5	Đất cây xanh cảnh quan	9.470,58	

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1.6	Hồ bơi	2.229,92	
1.7	Đất giao thông nội bộ - sân bãi	9.061,08	
2	Đất cây xanh	5.032,90	14,30
3	Đất bãi xe	1.806,33	5,10
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	641,22	1,80
5	Đất giao thông đối ngoại	2.112,13	6,00
TỔNG		35.220,40	100,00

6. Bố cục phân khu chức năng và quy hoạch xây dựng công trình:

STT	Chức năng	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)	Số công trình/căn
I	Đất du lịch nghỉ dưỡng	DLND	25.627,82	18,99	3	0,55	18
1	Khách sạn nghỉ dưỡng 1		1.500,00		3		1
2	Khách sạn nghỉ dưỡng 2		1.676,24		3		1
3	Biệt thự nghỉ dưỡng		1.440,00		2-3		15
4	Dịch vụ du lịch		250,00		3		1
5	Đất cây xanh cảnh quan		9.470,58				
6	Hồ bơi		2.229,92				
7	Đất giao thông nội bộ - sân bãi		9.061,08				
II	Đất cây xanh	CX	5.032,90				
III	Đất bãi xe	P	1.806,33				
IV	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	641,22	15,60	1	0,16	1
V	Đất giao thông đối ngoại		2.112,13				
TỔNG			35.220,40	15,00	3	0,43	19

7. Quy hoạch không gian ngầm:

STT	Chức năng	Ký hiệu	Số tầng hầm	Diện tích sàn tầng hầm (m ²)	Chức năng sử dụng
I	Đất du lịch nghỉ dưỡng	DLND		3.176,24	
1	Khách sạn nghỉ dưỡng 1		1	1.500,00	Đề xe, hệ thống kỹ thuật
2	Khách sạn nghỉ dưỡng 2		1	1.676,24	Đề xe, hệ thống kỹ thuật
3	Biệt thự nghỉ dưỡng				
4	Dịch vụ du lịch				
5	Đất cây xanh cảnh quan				
6	Hồ bơi				
7	Đất giao thông nội bộ - sân bãi				
II	Đất cây xanh	CX			
III	Đất bãi xe	P			
IV	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT			
V	Đất giao thông đối ngoại				
TỔNG				3.176,24	

8. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

8.1. Cơ cấu tổ chức không gian quy hoạch:

- Bố cục quy hoạch, tổ chức không gian cảnh quan khu quy hoạch phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch sinh thái và sân golf Bãi Sao đã được phê duyệt.

- Các khối khách sạn nghỉ dưỡng cao 03 tầng, bố trí ở hai đầu của dự án

- Các công trình biệt thự nghỉ dưỡng được bố trí bám theo các đường giao thông nội bộ, có các mảng xanh xen kẽ và đường dẫn ra hồ bơi.

- Công trình dịch vụ du lịch bố trí ở trung tâm của dự án, đảm bảo bán kính phục vụ cho toàn dự án.

- Đất cây xanh cảnh quan phục vụ cho các khu chức năng khác nhau trong dự án, các khu hoa viên cây xanh có diện tích khác nhau, hình dáng và quy mô phụ thuộc vào yếu tố địa hình tạo nét đặc trưng cho dự án.

8.2. Các yêu cầu về tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan:

- Các công trình phải đảm bảo được các tiêu chuẩn quy hoạch đã đề ra.
- Các công trình kiến trúc phải đảm bảo khoảng lùi, chỉ giới xây dựng, tầng cao, có mặt tiền thoáng đẹp, tạo cảnh quan chung cho toàn khu quy hoạch.
- Các công trình phải đảm bảo khoảng cách theo Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng.
- Các công trình dịch vụ du lịch phải đạt tiêu chuẩn, đảm bảo yêu cầu an toàn sử dụng.
- Các công trình dịch vụ ngoài trời phải đảm bảo thẩm mỹ, tiếng ồn, vệ sinh đối với các công trình bên cạnh.
- Các kiến trúc nhỏ (*các khối điêu khắc, đèn trang trí, bồn cây, bậc ngói, thùng rác, biển hướng dẫn, quảng cáo,...*) tại các trục đường đi bộ, vườn hoa tiểu cảnh... yêu cầu mỹ thuật biểu trưng cho khu du lịch.
- Cây xanh cảnh quan dọc trục chính sử dụng các loại cây thân cao, ít lá không che chắn tầm nhìn, không gian cảnh quan chung.
- Cây, thảm cỏ trồng trong khuôn viên các công trình phải có hình thức trang trí đẹp, trồng tự nhiên hoặc trong bồn, các thảm cỏ lớn, các bể phun, các sân có mặt lát đẹp.
- Màu sắc của các công trình cần ưu tiên các loại màu sáng nhưng không gây chói, phản quang và hạn chế các mảng màu tối. Khuyến khích các giải pháp chiếu sáng vào ban đêm để tạo được đặc thù của khu quy hoạch.
- Các vườn dạo, cây xanh cảnh quan cần kết hợp nghiên cứu giữa các yếu tố cây xanh – mặt nước và chiếu sáng vào ban đêm để tăng tính hấp dẫn, sinh động cho khu quy hoạch.

9. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

9.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

- Đường số 16 (*ký hiệu mặt cắt 1-1*): Lộ giới rộng 22m, bao gồm mặt đường rộng 12m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m. Khoảng lùi xây dựng công trình là 3m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa.
- Đường N1: bao gồm 02 đoạn như sau:
 - + Đoạn có mặt cắt 2-2: Lộ giới rộng 10m, bao gồm mặt đường đôi mỗi bên rộng 4m, dải phân cách giữa rộng 2m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa;
 - + Đoạn có mặt cắt 3-3: Lộ giới rộng 15m, bao gồm mặt đường rộng 15m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa.
- Đường N3 (*ký hiệu mặt cắt 5-5*): Lộ giới rộng 4m, bao gồm mặt đường rộng 4m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Đường D1 (*ký hiệu mặt cắt 6-6*): Lộ giới rộng 44m, bao gồm mặt đường rộng 44m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Đường D2: bao gồm 02 đoạn như sau:

+ Đoạn có mặt cắt 5-5: Lộ giới rộng 4m, bao gồm mặt đường rộng 4m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa;

+ Đoạn có mặt cắt 8-8: Lộ giới rộng 12m, bao gồm mặt đường rộng 12m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Đường D3 (*ký hiệu mặt cắt 7-7*): Lộ giới rộng 6m, bao gồm mặt đường rộng 6m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Đường đi bộ: Các đường đi bộ trong dự án có lộ giới tùy vị trí. Kết cấu mặt đường bê tông màu hoặc lát đá.

9.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

9.2.1. Quy hoạch san nền:

- San nền dựa trên nguyên tắc tuân thủ độ dốc sẵn có của địa hình và cảnh quan thiên nhiên, đồng thời bám theo độ dốc thiết kế của những đường giao thông dự kiến trong khu quy hoạch, thiết kế nền đảm bảo độ dốc cho xe chạy an toàn và thoát nước mặt tốt.

- Khối lượng đào - đắp được thể hiện trên bản vẽ Quy hoạch san nền.

- Cao độ nền không chế xây dựng $H_{xd} \geq 3 \text{ m}$ (*theo Hệ toạ độ Quốc gia*).

9.2.2. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế, xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước thải. Nước mưa được thu gom bằng các tuyến cống nội bộ nằm dọc theo trục giao thông và đầu nối thoát nước vào các tuyến thoát nước chung của khu vực.

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa.

9.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Hệ thống cấp nước cho dự án được đầu nối với hệ thống cấp nước chung của đảo nhằm đảm bảo nguồn cấp nước ổn định và lâu dài.

- Tổng nhu cầu dùng nước khu quy hoạch (*không kể lượng nước cấp cho chữa cháy*) khoảng $148,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ Quy hoạch hệ thống cấp nước.

9.4. Quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng:

- Nguồn điện cấp cho khu quy hoạch được lấy từ hệ thống cấp điện chung của đảo Phú Quốc, được đầu nối trên tuyến trung thế chung của khu vực.

- Toàn bộ hệ thống cáp điện được thiết kế và xây dựng ngầm.
- Tổng nhu cầu dùng điện khoảng 463,5KVA.
- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ Quy hoạch hệ thống cáp điện, điện chiếu sáng.

9.5. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

Mạng thông tin cho khu quy hoạch gồm:

- Mạng điện thoại, internet: Cung cấp những dịch vụ viễn thông cơ bản như điện thoại, Fax...
- Mạng internet băng thông rộng.
- Mạng không dây: Mạng này hỗ trợ cho mạng hữu tuyến, cung cấp kết nối máy tính di động.
- Mạng truyền hình cáp và truyền hình số.
- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.

9.6. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

9.6.1. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng. Nước thải phải được xử lý cục bộ tại các công trình bằng bể tự hoại trước khi thoát ra các tuyến cống thu gom để dẫn về khu xử lý nước thải chung của khu vực xử lý. Trong giai đoạn đầu khi chưa có khu xử lý nước thải chung, xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ cho khu quy hoạch nhằm đảm bảo nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

- Tổng lưu lượng nước thải khu quy hoạch khoảng 55,2m³/ngày.
- Xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ (*ngầm*) tại dự án, công suất là 75m³/ngày.
- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

9.6.2. Vệ sinh môi trường:

Tổng khối lượng rác thải sinh hoạt khu quy hoạch khoảng 0,46 tấn/ngày. Rác thải được phân loại tại nguồn và thu gom hàng ngày, tập kết tại trạm thu gom rác tập trung của khu quy hoạch và được xe vận chuyển về khu xử lý rác thải chung của đảo để xử lý.

Điều 2. Giao Công ty TNHH Lê May có trách nhiệm liên hệ với Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, UBND thành phố Phú Quốc cùng các Sở, ngành có liên quan:

- Hoàn chỉnh hồ sơ theo các nội dung nêu trên; Tổ chức công bố để các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan biết thực hiện và giám sát thực hiện.

- Hoàn chỉnh quy định quản lý Quy hoạch chi tiết trình Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc phê duyệt ban hành làm cơ sở quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Triển khai các công tác: Lập (hoặc điều chỉnh nếu có) dự án đầu tư xây dựng, thu hồi và giao đất hoặc cho thuê đất, báo cáo đánh giá tác động môi trường, xin cấp giấy phép xây dựng theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, UBND thành phố Phú Quốc, Giám đốc Công ty TNHH Lê May cùng các Sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. / *N.T.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Ban;
- LĐ. các Phòng chuyên môn BQL;
- Lưu: VT, Phòng QLQH, nvhung. *My*



TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thanh Tùng